| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 511/2025/DS-PT
Ngày: 22-8-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:Bà Lê Thị Bích Tuyền

*Các Thẩm phán*:Ông Trần Tấn Quốc

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 317/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

1. Bà Phạm Thị S1, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2024, của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết với nhau, nên ông T có cho bà Trần Thị H vay số tiền 170.000.000 đồng, khi vay có viết biên nhận, cụ thể:

- Ngày 18/5/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 24/5/2023 vay số tiền 40.000.000 đồng;
- Ngày 22/6/2023 vay số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 01/8/2023 vay số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 15/8/2023 vay số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 25/2/2024 vay số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay 170.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 25/9/2024 và thỏa thuận mức lãi suất là 1,2% tháng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết để bà H phải trả số tiền vay 170.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà H phải trả lãi suất, mức lãi là 0,83% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày 01/10/2024 đến ngày 27/5/2025 là 7 tháng 25 ngày (170.000.000 đồng x 0,83% tháng x 7 tháng 25 ngày = 11.052.833 đồng), được tính tròn là 11.050.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà H phải trả là 181.050.000 đồng.

*Bị đơn bà Trần Thị H có lời trình bày như sau:* Không đồng ý theo yêu cầu của ông T, bà H khẳng định không có vay tiền của ông T, những giấy biên nhận do ông T cung cấp để khởi kiện là của bà H viết khi vay tiền của bà Phạm Thị S1, là mẹ ruột của ông T, những số tiền này bà H đã trả đủ cho bà S1, khi trả đủ tiền cho bà S1 nhưng bà H không lấy lại biên nhận.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S có lời trình bày:* Bà S là vợ của ông T, bà xác nhận bà H có vay tiền của ông T đến nay chưa trả. Nay bà đồng ý để ông T khởi kiện bà H theo quy định.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S1 có lời trình bày:* Ông T là con ruột của bà, khoảng giữa năm 2024, ông T kêu đứa cháu nội của bà là Nguyễn Huỳnh Huy N lấy cuốn sổ nợ của bà đưa cho ông T. Sau khi phát hiện bị mất sổ, bà S1 có trình báo với Công an xã T và Công an xã mời ông T làm việc, ông T có trả sổ lại cho bà. Nay bà S1 khẳng định những giấy biên nhận mà ông T sử dụng để khởi kiện bà H là của bà, việc bà H vay tiền của bà và bà H đã trả đủ tiền, nhưng bà H không có lấy lại giấy biên nhận, nay bà không có yêu cầu gì.

Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng các bên không thỏa thuận được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 465, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà H về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông T yêu cầu bà H phải trả tổng số tiền là 181.050.000 (một trăm tám mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T phải chịu 9.052.000 (chín triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng. Khấu trừ 4.607.000 (bốn triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002112 ngày 18/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền là 4.445.000 (bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Bà H không phải chịu án phí.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn ông T kháng toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

*Nguyên đơn ông T có lời trình bày:* Xác định bà H có vay tiền của ông nhiều lần, tổng số tiền vay 270.000.000 đồng, đã trả còn lại số tiền ông khởi kiện 170.000.000 đồng là chưa trả, bà H vay để cho vay lại. Giữa bà S1 và bà H có ký rất nhiều biên nhận nợ khống nhằm để giúp bà S1 đối phó khi ly hôn. Ông xác định có lấy quyển sổ ghi nợ của bà S1, những trang mất tại quyển sổ ghi nợ ông hoàn toàn không biết, cơ quan điều tra có kết luận quyển sổ có mất 09 trang nhưng không kết luận ai lấy nên không có căn cứ xác định ông lấy các trang đã mất. Ông có căn cứ chứng minh việc bà S1 nợ tiền rất nhiều người nên việc bà S1 trình bày cho bà H vay là không đúng.

*Bị đơn bà H có lời trình bày:* Bà xác định không có vay tiền của ông T, bà chỉ vay tiền của bà S1 và giữa hai bên đã thanh toán xong nhưng bà chưa lấy biên nhận nợ lại. Việc bà S1 mất sổ có báo cho bà biết và có yêu cầu báo Công an xã T giải quyết. Bà có vay tiền nhiều người như bà K và việc bà vay tiền của ai, sử dụng để làm gì là việc cá nhân của bà không liên quan đến ông T và xác định không vay tiền của ông T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà S1 có lời trình bày:* Bà là mẹ ruột của ông T và sau khi ly hôn với Ba của ông T thì tình cảm phát sinh mâu thuẫn. Bà có cho bà H vay tiền nhiều lần, bà chỉ ghi tên thông tin người vay còn người cho vay bà để trống. Sau khi phát hiện mất quyển sổ ghi nợ bà có báo Công an xã T để giải quyết đối với ông T. Sau khi Công an giải quyết trả sổ thì bà phát hiện bị mất 15 trang là nhưng trang cho bà H, Đ, M vay.

*Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:*

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông T khởi kiện cung cấp 06 biên nhận để yêu cầu bà H trả tổng số tiền vay 170.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Bà H trình bày không vay tiền của ông T mà vay tiền của bà S1 mẹ của ông T và đã thanh toán xong. Sự việc có bà S1 xác nhận và các bên trình bày có sự việc bị ông T lấy quyển sổ của bà S1, sau đó bị mất 15 trang và Công An xã T đã giải quyết. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông T kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của ông T về toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Ông T khởi kiện bà H yêu cầu trả tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 181.050.000 đồng, ông T cung cấp 06 biên nhận thể hiện bà H có nhận tổng cộng số tiền 170.000.000 đồng, bà H thừa nhận chữ viết và chữ ký là của bà, còn hàng chữ " có nhận của *Nguyễn Văn T…* Địa chỉ: *ấp C, xã T-V-Long An"* là không phải do bà viết, ông Đ1 thừa nhận là chữ viết của ông T được ghi khi đi khởi kiện. Tại Bà H cung cấp 01 sổ cho vay tiền có hình thức, mẫu giống với giấy biên nhận mà ông T cung cấp để khởi kiện, sổ này bà H mượn của bà S1, bà S1 cũng khẳng định đây là những biên nhận mà bà đã cho bà H vay tiền ghi trong cuốn sổ bị Nguyễn Huỳnh Huy N lấy trộm đưa cho ông T. Theo tài liệu Công an xã T cung cấp khi ông T giao nộp lại sổ cho Công an thì có 15 trang xé mất. Mặt khác, bà S1 cũng khai khi bà H đến vay tiền, có nói là vay giùm cho người khác, nên bà H mới

ký tên vào biên nhận và bà S1 không ghi tên người cho vay. Nguyên đơn ông T không chứng minh bà H có nhận tiền  tiền vay và cung cấp được quyển sổ cho vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T, yêu cầu bà H trả tổng số tiền 181.050.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận theo Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

**1.** Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số số 23/2025/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh.

**2.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0022790 ngày 02/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

**3.** Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 9;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Tuyền**